

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – THANH HÓA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2026/HS-ST
Ngày 24 - 4 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Tường Vân
- Bà Lê Thị Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 04 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2026/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2026 đối với các bị cáo:

1. **Trịnh Xuân T**; Sinh ngày: 26/10/2003, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038203022869; Nơi cư trú: **Thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Sinh viên; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Trịnh Xuân T1** (Đã chết) và bà: **Phạm Thị T2** - Sinh năm 1971; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2025 đến ngày 28/11/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 25/11/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

2. **Hoàng Văn T3**; Sinh ngày: 28/5/1992, tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Số căn cước công dân: 038092025210; Nơi cư trú: **Thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa**; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: **Hoàng Ngọc H** (Đã chết) và bà: **Nguyễn Thị Y** - Sinh năm 1962; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 29/12/2014 bị **Công an huyện C**, tỉnh Thanh Hoá ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi xâm hại đến sức khỏe của người khác, bằng hình thức phạt tiền 2.500.000 đồng, đã nộp tiền phạt ngày 14/01/2015. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 19/11/2025 đến ngày 28/11/2025, sau đó bị tạm giam từ ngày 25/11/2025 cho đến nay; Có mặt tại phiên tòa.

- Người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

+ Chị **Chu Thị V** - Sinh năm 1984; Địa chỉ: **Khu phố G, xã V, tỉnh Thanh Hóa**.
Vắng mặt.

+ Chị **Cao Thị L** - Sinh năm 2000; Địa chỉ: **Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

+ Chị **Bùi Thị C** - Sinh năm 1996; Địa chỉ: **Thôn Q, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**. Vắng mặt.

+ Chị **Dương Thị Ngọc H1** - Sinh năm 2002; Địa chỉ: **Thôn T, xã A, tỉnh Khánh Hòa**. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 18/11/2025, **Trịnh Xuân T** nảy sinh ý định mua ma túy dạng thuốc lắc và **K** về sử dụng nên **T** vào hội nhóm qua ứng dụng Telegram liên hệ với một người có tài khoản mang tên “**Hồ Giầy**”, qua nói chuyện người này giới thiệu tên là **H2** và có bán ma túy. **T** đặt mua 04 viên thuốc lắc và 01 gói Ketamine, **H2** báo giá 16.600.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng). Do không có đủ tiền nên **T** liên hệ qua ứng dụng Messenger với **Hoàng Văn T3** rủ **T3** mua ma túy để cùng sử dụng, **T3** đồng ý. Cả hai thống nhất mua 16.600.000đ (Mười sáu triệu sáu trăm nghìn đồng) thuốc lắc và Ketamine. **T** bảo **T3** chuyển số tiền trên để mua ma túy, khi về cả hai sẽ tính toán chia nhau sau. **T3** sử dụng tài khoản 6522139656 của mình mở tại **ngân hàng B1** chuyển số tiền 16.600.000đ đến tài khoản 19038309017011 của **T** mở tại **ngân hàng T6** để **T** đi mua ma túy. Nhận được tiền, **T** liên hệ lại với **H2** và được **H2** hẹn ra khu vực **nghĩa trang C2** (Thuộc **xã D, thành phố Hà Nội**) để giao dịch mua bán ma túy. **T** cầm tiền mặt đến điểm hẹn và mua được từ **H2** 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa 04 viên nén màu hồng là loại ma túy dạng thuốc lắc và các hạt tinh thể màu trắng là ma túy Ketamine với giá 16.600.000đ. Mua được ma túy, **T** cất giấu trong người rồi bắt xe ghép từ **thành phố Hà Nội** đi về **xã C, tỉnh Thanh Hóa**.

Trên đường về, **T** liên hệ với **T3** thông báo điểm dừng xe tại **xã C, tỉnh Thanh Hóa** để **T3** đến đón. Quá trình đợi **T** về, **T3** liên hệ với chị **Chu Thị V** – Là quản lý của quán Karaoke **H2** Thăng 3, địa chỉ: **Khu C, xã V, tỉnh Thanh Hóa** để đặt 01 phòng hát và yêu cầu gọi trước 02 nhân viên nữ để phục vụ hát. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, **T3** gọi xe taxi trên đường (**T3** không nhớ biển số xe taxi) đến đón **T** tại điểm hẹn rồi cùng di chuyển về quán karaoke **Hùng T4** 3. Trên đường đi **T** đưa túi ma túy cho **T3** xem và cất giấu. Khi đến nơi, **T3** đưa lại túi ma túy cho **T** rồi cả hai đi vào quán. **T** và **T3** được chị **V** hướng dẫn vào phòng 112, lúc này trong phòng đã có **Cao Thị L** (sinh năm 2000, trú tại **Thôn T, xã Q, tỉnh Thanh Hóa**) và **Bùi Thị C** (sinh năm 1996, trú tại

Thôn Q, xã Q, tỉnh Thanh Hóa) đợi sẵn. Thiên đi lại khu vực băng điều khiển chọn bài hát và mở nhạc sàn để mọi người cùng nghe, đồng thời lấy túi ma túy để ra bàn. Sau đó, T lấy ra 01 viên thuốc lắc đưa cho T3, T3 cầm viên thuốc lắc bẻ thành 02 phần, 01 phần đưa cho L sử dụng, 01 phần T3 tự sử dụng. T cũng lấy 01 viên thuốc lắc bẻ thành 02 phần, Thiên tự sử dụng hết 01 phần và đưa phần còn lại cho C sử dụng. T3, T, L, C đều sử dụng thuốc lắc bằng cách uống với nước C1 có sẵn tại phòng hát. Lúc này, T3 nói với L gọi thêm người tới hát, uống bia nên L sử dụng điện thoại nhắn tin qua Zalo cho Dương Thị Ngọc H1 (sinh năm 2002, HKTT: Thôn T, xã A, tỉnh Khánh Hòa, là nhân viên của quán) bảo H1 đến phục vụ khách uống bia, nghe nhạc.

Khoảng 10 phút sau, T3 đi ra khu vực quầy phục vụ của quán tự lấy và mang vào phòng 01 đĩa sứ màu trắng đưa cho T để Thiên xào Ketamine. T lấy bật lửa và thẻ nhựa màu xanh của mình, bật lửa đốt, hơ nóng đĩa, đổ một phần Ketamine trong túi lên đĩa rồi dùng thẻ nhựa nghiền mịn, xào và chia Ketamine thành các phần dạng đường kẻ. T bảo T3 đưa 01 tờ tiền polime để cuộn ống hút, T3 lấy trong người ra 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ đưa cho T. Thiên cuộn tờ tiền thành dạng ống hút được cố định bằng vỏ đầu lọc thuốc lá. T cầm đĩa chứa ma túy lên đưa cho T3 sử dụng 01 đường Ketamine đầu tiên, tiếp đó đưa cho C và L mỗi người sử dụng 01 đường Ketamine rồi Thiên tự sử dụng 01 đường Ketamine. Khoảng 20 phút sau, H1 vào phòng, T lấy từ túi ma túy ra 01 viên thuốc lắc đưa cho H1 sử dụng, H1 cầm viên thuốc lắc sử dụng bằng cách uống với nước Cocacola. Tiếp đó, T cầm đĩa Ketamine lên mời H1 sử dụng, H1 cầm lấy ống hút và sử dụng 02 đường Ketamine. Sau đó, T đặt đĩa Ketamine xuống bàn và cất giấu số ma túy còn lại trong giỏ đồ trên bàn mục đích để tiếp tục sử dụng trong quá trình hát karaoke tại đây. Khoảng 30 phút sau, T3 cầm đĩa ma túy Ketamine lên đưa cho T sử dụng khoảng 02 đường Ketamine. T cũng cầm đĩa đưa cho T3 sử dụng khoảng 02 đường thì hết Ketamine trên đĩa.

Đến khoảng 01 giờ ngày 19/11/2025, tổ công tác Công an tỉnh T phối hợp với Công an xã V vào phòng hát 112 quán Karaoke Hùng T4 3 kiểm tra phát hiện trong phòng có 05 đối tượng gồm Trịnh Xuân T, Hoàng Văn T3, Cao Thị L, Bùi Thị C và Dương Thị Ngọc H1 có biểu hiện sử dụng ma túy, thu giữ: 01(một) túi nilong màu trắng bên trong chứa 01 viên nén màu hồng và các hạt tinh thể màu trắng; 01(một) đĩa sứ màu trắng bên trên bám dính chất bột màu trắng; 01(một) thẻ nhựa màu xanh bên trên bám dính chất bột màu trắng; 01(một) ống hút nhựa được cuộn bằng tờ tiền 50.000đ được cố định 2 đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá, bên trong có bám dính chất bột màu trắng; 01(một) bật lửa ga. Tổ công tác đã đưa các đối tượng về công an xã V và lập biên bản sự việc theo quy định.

Tại cơ quan điều tra Trịnh Xuân T đã đầu thú và tự nguyện giao nộp 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro (đã qua sử dụng), I: 353074115654970, gắn sim

số 0329235945; **Hoàng Văn T3** đã đầu thú và tự nguyện giao nộp 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, Imel 350970400812871 gắn số thuê bao 0978011312. Ngày 19/11/2025, Cơ quan điều tra tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của **Trịnh Xuân T** tại **thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa** và chỗ ở của **Hoàng Văn T3** tại **thôn P, xã C, tỉnh Thanh Hóa**. Kết quả không phát hiện thu giữ đồ vật, tài liệu gì.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong cơ thể đối với **Hoàng Văn T3**, **Trịnh Xuân T**, **Cao Thị L**, **Bùi Thị C** và **Dương Thị Ngọc H1** đều cho kết quả dương tính với chất ma túy MET, MDMA, KET; đối với **Chu Thị V** – là quản lý quán Karaoke **Hùng T4** 3 cho kết quả âm tính với các chất ma túy.

Tại Kết luận giám định số: 4517/KL-KTHS ngày 26/11/2025 của **Phòng K1 - Công an tỉnh T**, kết luận: “*Tìm thấy chất ma túy, loại: Methamphetamine, MDMA, Ketamine và các chất chuyển hóa của chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Hoàng Văn T3, Trịnh Xuân T, Cao Thị L, Bùi Thị C, Dương Thị Ngọc H1 gửi đến giám định*”

Tại Kết luận giám định số: 4518/KL-KTHS ngày 26/11/2025 của **Phòng K1 - Công an tỉnh T**, kết luận các đồ vật thu giữ tại hiện trường vụ án như sau:

- 01 (một) viên nén màu hồng của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,360g (không thấy ba sáu không gam) loại: MDMA, Ketamine, Methamphetamine.

- Các hạt tinh thể màu trắng của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,391g (không thấy ba chín một gam) loại: Ketamine.

- Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ màu trắng của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

- Chất bột màu trắng bám dính trên thẻ nhựa màu xanh của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

- Chất bột màu trắng bám dính bên trong ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000đ được cố định 2 đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

- Tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine bám dính trên bật lửa ga của hộp bìa cattong niêm phong gửi giám định. Không xác định được khối lượng chất ma túy.

Cơ quan điều tra đã phối hợp với công an xã nơi các đối tượng cư trú, xác minh, thu thập tài liệu xác định tình trạng nghiện, cai nghiện đối với các bị cáo và các đối tượng liên quan, kết quả xác định: **Trịnh Xuân T**, **Hoàng Văn T3**, **Cao Thị L**, **Bùi Thị C**, **Dương Thị Ngọc H1** không phải người nghiện ma túy, không thuộc diện quản lý sau cai nghiện của địa phương.

- Đối với số thuốc lắc và ketamine thu giữ tại hiện trường, **Trịnh Xuân T** và **Hoàng Văn T3** đều khai nhận đang cất giấu để tiếp tục sử dụng tại phòng hát, nhưng chưa kịp sử dụng hết thì bị cơ quan công an vào kiểm tra thu giữ. Xét thấy khối lượng chất ma túy không lớn (0,751 gam), các đối tượng hoàn toàn có thể tiếp tục sử dụng hết. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với **T** và **T3** về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- Đối với **Cao Thị L**, **Bùi Thị C**, **Dương Thị Ngọc H1**, kết quả xét nghiệm và giám định chất ma túy trong cơ thể đều cho kết quả dương tính với ma túy, có căn cứ xác định các đối tượng trên đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, kết quả xác minh xác định **L**, **C**, **H1** không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a nên hành vi không cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 256a BLHS. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, **Công an tỉnh T** quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính Phủ.

- Đối với hành vi của **Cao Thị L** gọi **Dương Thị Ngọc H1** đến phòng hát, sau đó **H1** sử dụng ma túy. Quá trình điều tra xác định, **L** được **T3** bảo gọi thêm người đến để uống bia và hát, hoàn toàn không nói đến sử dụng ma túy. Sau khi **H1** vào phòng mới phát sinh việc **T** đưa ma túy cho **H1** sử dụng. Ngoài ra, **L**, **C**, **H1** không thực hiện các hành vi khác giúp cho việc tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý đối với **L**, **C**, **H1** về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” là có căn cứ.

- Đối với **Chu Thị V** là người trực tiếp quản lý điều hành Cơ sở kinh doanh quán Karaoke **Hùng T**, địa chỉ **Khu C**, xã **V**, tỉnh **Thanh Hóa** tại thời điểm xảy ra vụ án. Quá trình điều tra xác định, **V** không biết việc **T** và **T3** đến phòng hát để sử dụng ma túy. Sau khi công an đến kiểm tra xử lý, **V** đã chủ động hỗ trợ giải quyết vụ việc. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với **Chu Thị V**.

- Đối với người đàn ông tên **H2** (có tài khoản trên ứng dụng Telegram là **H3** Giấy), theo lời khai của **Trịnh Xuân T** là người đã bán ma túy cho **T** ở khu vực **nghĩa trang C2**, thuộc **xã D**, **TP Hà Nội**. Cơ quan điều tra đã kiểm tra dữ liệu lưu trữ trong điện thoại của **T** nhưng không phát hiện thông tin người này. Phối hợp với **Công an xã D**, **TP Hà Nội** tiến hành xác minh, rà soát, thu thập hình ảnh camera, xác minh nhưng không xác định được đặc điểm, nhân thân của người này. Ngoài lời khai của **T** không có tài liệu chứng cứ khác về người bán ma túy nên không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ xử lý theo quy định. (BL: 78).

- Đối với chiếc thẻ nhựa màu xanh (thẻ Visa Platinum số 487044xxxxxx0370 thuộc **ngân hàng T6** mang tên **Ngo Duy H4**) **T** khai đã nhặt được tại khu vực **H**, **TP Hà Nội**, sau đó **T** đã sử dụng chiếc thẻ để xào Ketamin. Quá trình điều tra xác định

chủ sở hữu của chiếc thẻ là anh **Ngô Duy H5** (sinh năm 1997, trú tại **số A Nhà A**, tập thể **Công ty Cổ phần D**, **phường H**, **TP Hà Nội**). Anh **H5** khai khoảng tháng 11 năm 2025 anh **H5** đã làm rơi chiếc thẻ trên đường từ **xã D**, **TP Hà Nội** về nhà riêng, sau khi làm mất thẻ anh **H5** đã báo mất và yêu cầu Ngân hàng cấp lại thẻ khác nên anh không yêu cầu nhận lại chiếc thẻ trên.

- Đối với người tài xế xe ghép chở **T** từ Hà Nội về đến Thanh Hóa và người tài xế lái xe taxi chở **T3** đón **T** rồi đến quán karaoke, **T** và **T3** khai nhận không biết nhân thân, lai lịch, thông tin biển số xe của những người này. Các tài xế lái xe không biết, không liên quan đến việc **T** và **T3** cất giấu ma túy để sử dụng tại quán hát. Vì vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ xác minh, xử lý.

* Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật, xử lý vật chứng:

Tiếp tục tạm giữ các vật chứng của vụ án là chất ma túy và công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội gồm:

- 01 (một) hộp giấy niêm phong vật chứng bên trong có chứa toàn bộ bao gói mở niêm phong và 0,290g (không phải hai chín mươi gam) chất bột màu hồng, 0,335g (không phải ba ba năm gam) các hạt tinh thể màu trắng của 01 túi nilong màu trắng; 01(một) đĩa sứ màu trắng; 01(một) thẻ nhựa màu xanh; 01(một) ống hút được cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 50.000đ được cố định 2 đầu bằng vỏ đầu lọc thuốc lá. Tất cả được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên **Lê Minh T5**, **Lại Thị Thanh L1**, **Lê Văn H6** và các hình dấu của **Phòng K1 Công an tỉnh T**.

- 01(một) bật lửa ga;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro (đã qua sử dụng), **I**: 353074115654970, gắn sim số 0329235945 của **Trịnh Xuân T**;

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, Imel 350970400812871 gắn số thuê bao 0978011312 của **Hoàng Văn T3**.

Tại bản cáo trạng số 52/CT-VKSKV7 ngày 31/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa đã truy tố các bị cáo **Trịnh Xuân T**, **Hoàng Văn T3** về tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*” theo điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Trịnh Xuân T** từ 07 năm 03 tháng tù đến 07 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự để xử phạt **Hoàng Văn T3** từ 07 năm tù đến 07 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro (đã qua sử dụng), gắn sim số 0329235945 của **Trịnh Xuân T**; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, gắn số thuê bao 0978011312 của **Hoàng Văn T3**; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000đ của **Hoàng Văn T3**.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ vỏ bao gói niêm phong; số ma túy hoàn lại sau giám định; 01(một) đĩa sứ màu trắng; 01(một) thẻ nhựa màu xanh.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Phân tranh tụng tại phiên tòa:

Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

Trong lời nói sau cùng các bị cáo rất hối hận về hành vi của mình đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra **công an tỉnh T**, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội: Tại phiên tòa, các bị cáo đã nhận tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, vật chứng thu giữ, kết luận giám định cùng với những tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Ngày 18/11/2025, **Trịnh Xuân T** đã có hành vi đặt mua ma túy và rủ **Hoàng Văn T3** góp tiền cùng mua ma túy về sử dụng. **Hoàng Văn T3** đã có hành vi thuê phòng hát karaoke và gọi 03 nhân viên nữ vào phòng hát để cùng sử dụng ma túy. Sau đó, tại phòng hát 112 quán karaoke **Hùng T4 3** thuộc **khu C, xã V, tỉnh Thanh Hóa**, sau khi **T** mua được 04 viên thuốc lắc và 01 gói Ketamine, **T** và **T3** đã cùng nhau sử dụng, đồng thời cho **Cao Thị L**, **Bùi Thị C** và **Dương Thị Ngọc H1** sử dụng. Hành vi của **Trịnh Xuân T** và **Hoàng Văn T3** đã phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều

255 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa truy tố các bị cáo là đúng người đúng tội đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tính chất của vụ án vai trò của các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án có đồng phạm nhưng giữa các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ trong quá trình thực hiện tội phạm nên chỉ là đồng phạm giản đơn. Trong đó **Trịnh Xuân Thiên G** vai trò thứ nhất, là người khởi xướng và tích cực hơn trong khi thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo **Hoàng Văn T3** giữ vai trò thứ hai, là người chuyển tiền mua ma túy, thuê phòng hát làm địa điểm và chuẩn bị một số dụng cụ giúp cho việc sử dụng trái phép chất ma túy.. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, mà còn là nguyên nhân, điều kiện dẫn đến các vi phạm và tội phạm khác trong xã hội, làm mất trật tự, trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân. Do đó cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian và xử lý bị cáo hình phạt nghiêm khắc mới đủ cải tạo bị cáo thành người công dân tốt có ích cho xã hội.

[4]. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, quá trình điều tra các bị cáo đầu thú, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo **Trịnh Xuân T** có bố, mẹ có giấy khen của Chủ tịch **UBND huyện C**, tỉnh Thanh Hoá, gia đình của bị cáo hiện đang thờ cúng hai liệt sỹ và bà mẹ Việt Nam anh hùng; quá trình sinh sống tại địa phương bị cáo **T3** có đóng góp hỗ trợ hoạt động của làng trẻ **S**. Đây là những tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần được áp dụng đối với các bị cáo.

[5]. Đối với **Cao Thị L**, **Bùi Thị C**, **Dương Thị Ngọc H1**, kết quả xét nghiệm và giám định chất ma túy trong cơ thể đều cho kết quả dương tính với ma túy, có căn cứ xác định các đối tượng trên đã có hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tuy nhiên, kết quả xác minh xác định **L**, **C**, **H1** không thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 256a nên hành vi không cấu thành tội “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 256a BLHS. Cơ quan điều tra chuyển hồ sơ, tài liệu cho Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy, **Công an tỉnh T** quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a khoản 1 điều 30 Nghị định 282/2025/NĐ-CP ngày 30/10/2025 của Chính Phủ là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Đối với **Chu Thị V** là người trực tiếp quản lý điều hành Cơ sở kinh doanh quán Karaoke **Hùng T**, địa chỉ **Khu C**, xã **V**, tỉnh **Thanh Hóa** tại thời điểm xảy ra vụ án. Quá trình điều tra xác định, **V** không biết việc **T** và **T3** đến phòng hát để sử dụng ma túy. Sau khi công an đến kiểm tra xử lý, **V** đã chủ động hỗ trợ giải quyết vụ việc. Vì vậy Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với **Chu Thị V** là đúng quy định.

[7]. Đối với người đàn ông tên **H2** (có tài khoản trên ứng dụng Telegram là

H3 Giấy), theo lời khai của **Trịnh Xuân T** là người đã bán ma túy cho **T** ở khu vực **nghĩa trang C2**, thuộc **xã D, TP Hà Nội**. Cơ quan điều tra đã kiểm tra dữ liệu lưu trữ trong điện thoại của **T** nhưng không phát hiện thông tin người này. Phối hợp với **Công an xã D**, TP Hà Nội tiến hành xác minh, rà soát, thu thập hình ảnh camera, xác minh nhưng không xác định được đặc điểm, nhân thân của người này. Ngoài lời khai của **T** không có tài liệu chứng cứ khác về người bán ma túy nên không có đủ căn cứ để xác minh làm rõ xử lý theo quy định.

[8]. Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có tài sản riêng hoặc chung và không có thu nhập gì đáng kể nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với các bị cáo là phù hợp.

[9]. Về xử lý vật chứng:

[9.1]. Đối với 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Pro (đã qua sử dụng), gắn sim số 0329235945 của **Trịnh Xuân T**; 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, gắn số thuê bao 0978011312 của **Hoàng Văn T3**; Tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng thu giữ của bị cáo. Các bị cáo đã sử dụng điện thoại liên lạc, chuyển tiền để thực hiện tội phạm, tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng các bị cáo dùng để sử dụng ma túy do đó cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[9.2]. Đối với toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong và 0,290g (không phẩy hai chín mươi gam) chất bột màu hồng, 0,335g (không phẩy ba ba năm gam) các hạt tinh thể màu trắng của 01 túi nilong màu trắng; 01 (một) đĩa sứ màu trắng; 01 (một) thẻ nhựa màu xanh; 01 (một) bật lửa ga. Đây là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để phạm tội không có giá trị sử dụng, số ma túy còn lại sau giám định là vật nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành. Do đó cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 255 của Bộ luật Hình sự

Tuyên bố các bị cáo **Trịnh Xuân T** và **Hoàng Văn T3** phạm tội “*Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy*”

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Trịnh Xuân T**.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Xuân T** 07 (Bảy) năm 03 (Ba) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 19/11/2025.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo **Hoàng Văn T3**.

Xử phạt bị cáo **Hoàng Văn T3** 07 (B) năm tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ, ngày 19/11/2025.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 12 Promax, mặt sau bị vỡ, đã qua sử dụng, gắn sim số 0329235945 của **Trịnh Xuân T**; 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 16 Pro Max, gắn số thuê bao 0978011312 của **Hoàng Văn T3**; 01 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng.

- Tịch thu tiêu hủy: Toàn bộ vỏ, bao gói niêm phong và 0,290g (không phẩy hai chín mươi gam) chất bột màu hồng; 0,335g (không phẩy ba ba năm gam) các hạt tinh thể màu trắng; 01(một) đĩa sứ màu trắng; 01(một) thẻ nhựa màu xanh; 01 (một) bát lửa ga đã qua sử dụng.

Các vật chứng trên đang được lưu giữ tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/04/2026 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra **công an tỉnh T** và Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo **Trịnh Xuân T**, **Hoàng Văn T3** mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt các bị cáo. Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 7;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan CSĐT công an tỉnh Thanh Hóa;
- Cơ quan THAHS công an tỉnh Thanh Hóa;
- Trại tạm giam CA tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hà

Trương Thị Hồng Xuân

Bùi Văn Hải

